

Số: 36/2026/QĐST-LĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Thu Thảo

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hồng Sơn, Thư ký Tòa án.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên họp:** Bà **Nguyễn Thúy An**, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 16/2026/TLST-LĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 23/2026/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Ngô Văn B, sinh năm 1978; thường trú: Ấp E, xã V, tỉnh Tây Ninh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần C; địa chỉ: Khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị Thu V, sinh năm 1988; địa chỉ: B, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở L - Bảo hiểm xã hội Thành phố H; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Ngô Văn B trình bày:* Do cần điều chỉnh thông tin Bảo hiểm xã hội, ông Ngô Văn B đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của ông B bị trùng trong khoảng thời gian từ **tháng 11 năm 2014 đến tháng 6 năm 2015**. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do có người sử dụng thông tin của ông Ngô Văn B (ông B xác định không biết thông tin về người này) để làm việc tại Công ty TNHH C và được công ty T với mã số 7414203326 trong khoảng thời gian trên. Nhận thấy việc ký kết hợp đồng giữa người sử dụng giấy

tờ có tên Ngô Văn B và Công ty TNHH C là sai quy định, đã vi phạm quy tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Vì vậy, ông B yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Ngô Văn B với Công ty TNHH C là vô hiệu, ông Ngô Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

- Công ty TNHH C trình bày: Các chế độ của ông Ngô Văn B sau khi nghỉ việc Công ty đã giải quyết đầy đủ cho ông B. Việc ông B yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông Ngô Văn B và Công ty TNHH C1 thâm thì Công ty đồng ý với yêu cầu của ông B.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 178; Điều 366; Điều 367; Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên vắng mặt không rõ lý do.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của ông Ngô Văn B là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu ông Ngô Văn B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH C đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2015, người lao động tên Ngô Văn B giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C và được Công ty TNHH C tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7414203326. Tuy nhiên, ông B xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2015, ông không có làm việc tại Công ty TNHH C (do có người dùng hồ sơ của ông B để làm việc tại Công ty TNHH C) và thực tế từ tháng 04/2015, ông B đang làm việc tại Công ty TNHH D, tham gia bảo hiểm xã hội số 7515016539.

[2.2] Xét thấy, lời khai của ông B là phù hợp với Công văn số 1023/BHXXH-QLT ngày 25/12/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Qua đó, xác định chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C trong khoảng thời gian từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2015 không phải là ông Ngô Văn B mà do người khác sử dụng hồ sơ của ông để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH C.

Theo Điều 9 của Bộ luật Lao Động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “Tự nguyện, bình đẳng,

thiện chí, hợp tác và trung thực”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật dân sự 2005, thì giao dịch dân sự sẽ bị vô hiệu và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L1 thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*”. Do đó, có cơ sở xác định việc có người giả mạo ông Ngô Văn B để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH là **7414203326** vào khoảng thời gian từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2015 tại Công ty TNHH C là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn B về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Ngô Văn B với Công ty TNHH C theo sổ bảo hiểm xã hội số **7414203326 trong khoảng thời gian từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2015** là vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “*... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”, chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn B và ý kiến của ông về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH C trong giai đoạn tháng 11/2014 đến tháng 6/2015 là một người khác, không phải là ông Ngô Văn B. Ông Ngô Văn B có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7414203326.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: ông Ngô Văn B tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 127, 132 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 9 của Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, năm 2006 và năm 2007;

- Căn cứ khoản 2 Điều 19; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Ngô Văn B.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Ngô Văn B với Công ty TNHH C (theo sổ bảo hiểm xã hội số **7414203326**) trong khoảng thời gian từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2015 bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số **7414203326 tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2015** không phải là ông Ngô Văn B, sinh năm 1978, giới tính: Nam, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 080078003629.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: ông Ngô Văn B tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001804 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Thị Thu Thảo